TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS - ST
Ngày: 06 - 9 - 2023
V/v tranh chấp kiện đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG -TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.
2. Ông Đàm Văn Kiều.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế H - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12A/2023/TLST - TCDS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST - TCDS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị M – Sinh năm 1950;

Địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Bà Trần Thị L – Sinh năm 1961;

Địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L là anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K – Sinh năm 1955;

Địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt bà M, bà L, anh Văn A1 và ông K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: Bà và vợ chồng bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn K không có quan hệ họ hàng gì với nhau nhưng là người cùng xã. Trên mối quan hệ quen biết nên năm 2005 bà có cho bà Trần Thị L vay số tiền 23.000.000 đồng, khi vay giữa bà và bà L không viết giấy vay mượn với nhau. Đến ngày 22/5/2009 giữa bà và bà L đã lập lại giấy vay tiền với nhau do chính bà L viết. Tại giấy vay tiền hai bên đã thỏa thuận lãi suất là 20%/năm nhưng không ghi thời gian thanh toán mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau là khi nào cần thì bà báo trước bà L một tuần. Trong quá trình đó vợ chồng bà L, ông K đã trả cho bà 3 lần tổng cộng là 3.500.000đồng và còn nợ lại 19.500.000 đồng. Từ tháng 12 năm 2009 đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà L, ông K phải thanh toán số tiền gốc cho là 19.500.000 đồng nhưng bà L, ông K không thanh toán cho bà một khoản tiền nào nữa. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà L, ông K phải thanh toán cho bà số tiền gốc còn lại là 19.500.000 đồng. Trước đây bà có yêu cầu vợ chồng bà L, ông K phải trả tiền lãi từ khi vay đến nay theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên toà hôm nay bà không yêu cầu nữa mà chỉ yêu cầu vợ chồng bà L, ông K phải trả cho bà số tiền gốc vay còn lại là 19.500.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị L là anh Nguyễn Văn A trình bày: Anh là con trai của bà Trần Thị L, việc vay mượn giữa bà M và bà L chỉ có 11.000.000 đồng. Sau đó, bà L và gia đình đã thanh toán cho bà M hết số tiền đó vào 05 lần cụ thể: 02 lần 2.000.000 đồng, 02 lần 1.500.000 đồng và lần cuối ngày 12/12/2014 (âm lịch) 4.000.000 đồng. Từ thời gian đó không có thông tin nào giữa hai bên. Các lần trả nợ trên hai bên không có viết giấy với nhau. Nay anh xác định bà L đã trả hết nợ cho bà M nên bà M khởi kiện đòi tiền bố mẹ anh là không đúng. Tại phiên toà anh đề nghị xem xét thời hiệu khởi kiện vụ án. Đối với giấy vay nợ ghi ngày 22/5/2009 anh xác nhận đó là chữ ký của bà L.

Lời khai của bị đơn bà Trần Thị L tại các buổi làm việc với toà án cũng như tại phiên tòa trình bày: Bà nhất trí với quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bà trình bày ở trên. Việc vay tiền là để bà làm ăn kinh tế cho gia đình, khi vay tiền của bà M về bà cũng đã nói với chồng bà là ông Nguyễn Văn K biết. Giấy vay nợ ngày 22/5/2009 là do bà viết còn tiền lãi đến đâu thì bà đã trả bà M đến đấy. Nay bà xác định gia đình bà đã trả hết nợ cho bà M rồi nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Khi trả nợ hai bên không có viết giấy tờ gì với nhau nay bà không có giấy tờ tài liệu gì giao nộp cho Toà án.

Lời khai của ông Nguyễn Văn K tại các buổi làm việc với toà án cũng như tại phiên tòa trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị L1, việc vay mượn giữa bà M và bà L1 cụ thể thì ông không biết. Nhưng khi vay được tiền của bà M thì vợ

ông là bà Trần Thị L có về nói với ông. Bà L vay tiền bà M về là để mua trứng Vịt về ấp bán phát triển kinh tế của gia đình. Trong quá trình đó ông cũng đã trả tiền nợ cho bà M và lần cuối là tháng 12/2014 sau khi cưới anh Văn A1 xong thì ông đã cầm 4.000.000 đồng sang trả cho bà M nhưng hai bên không viết giấy trả nợ với nhau. Nay ông xác định gia đình ông đã trả hết nợ cho bà M rồi nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Ông không có giấy tờ tài liệu gì giao nộp cho Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 429; 166 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M: Buộc bà Trần Thị L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị M số tiền gốc đã vay còn lại là 19.500.000 đồng (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Về án phí: Buộc bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là Trần Thị M cung cấp là 01 bản gốc "Giấy vay nợ" ghi ngày 22/5/2009 có nội dung ghi em L, Kim mượn chị M tiền". Tại giấy mượn tiền ghi lãi suất là 20%/năm nhưng không ghi thời hạn trả nợ; có chữ ký, chữ viết của người vay là L nên đây là hợp đồng vay tài sản có lãi, không có thời hạn. Tuy nhiên từ tháng 12 năm 2009 bà M đã yêu cầu bà L thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và lãi cho bà nhưng vợ chồng bà L ông K vẫn không trả nợ, mặt khác tại phiên toà phía bị đơn đề nghị xem xét về thời hiệu khởi kiện. Đối chiếu với quy định của Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thấy bà M chỉ có quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong ba năm từ tháng 12 năm 2009 đến hết tháng 12 năm 2012 nhưng đến ngày 28/10/2022 bà M mới làm đơn khởi kiện. Do vậy thời hiệu khởi kiện đã hết nên bà M chỉ có quyền kiện đòi lại số tiền gốc mà bà L ông K đã vay nên đây là vụ án kiện đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là bà Trần Thị L có nơi cư trú tại đội 7 xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

[2] Về nội dung vụ án: Hợp đồng vay tiền giữa bà Trần Thị M và bà Trần Thị L là có thật và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc vay nợ giữa bà M và bà L được chứng minh bằng giấy vay tiền viết tay ngày 22 tháng 5 năm 2009, đến nay bà L và đại diện theo ủy quyền của bà L công nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay là của bà L nhưng bà L lại cho rằng bà và chồng là ông Nguyễn Văn K chỉ vay của bà M tổng cộng là 11.000.000đồng và vợ chồng bà đã thanh toán trả hết nợ cho bà M khi trả nợ hai bên không viết giấy tờ gì với nhau. Xét lời khai của bà L và ông K là không có căn cứ, bởi vì cho đến nay vợ chồng bà L, ông K không có chứng cứ gì để chứng minh về việc đã thanh toán trả hết nợ cho bà M.

Mặc dù ông Nguyễn Văn K không trực tiếp cùng bà L đến vay nợ của bà M nhưng từ năm 2009 ông K đã biết được bà L có vay nợ của bà M vì khi vay được tiền bà L về có nói cho ông K biết, ông K cũng đã trả một phần nợ cho bà M sự việc này được chứng minh bằng lời trình bày của ông K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Mặt khác bà L và ông K cũng đều xác định vay tiền của bà M về để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Từ những căn cứ nêu trên, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M buộc vợ chồng bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm trả lại cho bà M số tiền là 19.500.000đồng (Mười chín triệu lăm trăm nghìn đồng) là phù hợp.

[3] Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị M yêu cầu bà L, ông K phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị M thay đổi quan điểm bà không yêu cầu bà L, ông K trả lãi suất vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L phải nộp án phí dân sự thẩm theo quy định tại Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Nhưng do ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L là người cao tuổi nên bà L, ông K được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6; Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

2. Buộc bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn K phải trả cho bà Trần Thị M số tiền là 19.500.000đồng (Mười chín triệu lăm trăm nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị M có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.